

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1016/2017/HNGĐ – ST
Ngày: 29-9-2017
V/v Tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Anh Tuấn
2. Bà Phạm Thị Diệu Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H tham gia phiên tòa: bà Đoàn Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T - Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 572/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2017/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1986;(có mặt)

Địa chỉ: số 111, đường L, phường P, quận T, Thành phố H.

Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc Huyền T, sinh năm 1992;(có mặt)

Địa chỉ: số 111, đường L, phường P, quận T, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 6 năm 2017 cùng các chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn ông Nguyễn Duy T trình bày : Ông và bà Nguyễn Ngọc Huyền T tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 10/2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 171/2012, quyền số 03/2012 do UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh K cấp ngày 04/9/2012.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung nhiều nơi, sau đó chuyển về sống tại địa chỉ số 111, đường L, phường P, quận T, Thành phố H nhà của ông nội ông T. Quá trình sống chung, thời gian 03 năm đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2015 hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, nguyên nhân chủ yếu vì bà T thường xuyên đi chơi(quán Bar), bỏ bê không chăm sóc con cái. Nhiều lần tôi đã góp ý mà bà T không thay đổi. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên hai bên quyết định sống ly thân với nhau từ tháng 5/2017 bà T bỏ ra ngoài sống riêng thì quay về sống chung nhưng được hơn 01 tháng lại phát sinh mâu thuẫn và tiếp tục sống ly thân cho đến nay. Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn, mâu thuẫn không thể giải quyết được, đời sống chung không thể kéo dài nên tôi yêu cầu tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà T

Về quan hệ con chung : Có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày 08/02/2014. Khi ly hôn, ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung ông xác nhận không có

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc Huyền T trình bày : Quá trình chung sống, kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như lời ông Nguyễn Duy T trình bày. Bà cho rằng mâu thuẫn ly hôn là do bất đồng trong quan điểm, thường xuyên gây gổ, tranh cãi với nhau trong chuyện nuôi con, tiền bạc...Bà đồng ý ly hôn vì nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau và không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày 08/02/2014. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung bà T xác nhận không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Ông Nguyễn Duy T trình bày:

- Hai bên thuận tình ly hôn nên ông đề nghị Tòa chấp nhận.
- Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu tòa giải quyết.
- Về con chung : Đề nghị Tòa giao con cho ông được quyền nuôi con là vì lợi ích của con chung cụ thể :

Bà T nuôi con thì thường hay đi chơi với bạn (đi quán Bar) thâu đêm suốt sáng, thường để ông phải chăm con một mình do đó không làm tròn vai trò một người mẹ.

Xét về thu nhập thì bảng lương ông có thu nhập lương khoảng 18.000.000 đồng/01 tháng có xác nhận bảng lương cụ thể được trả lương qua thẻ. Do đó ông

có thu nhập cao và ổn định, còn bà T chưa có công ăn việc làm, đang ở nhà thuê do đó điều kiện nuôi con không tốt thường đưa con đi chuyển nhiều nơi, hơn nữa con đang có hộ khẩu cùng với ông nên việc xin con vào đi học trường công sau này dễ hơn. Tốt cho tương lai của cháu hơn. Ông không muốn con còn nhỏ phải theo mẹ đi chuyển nhiều nơi. Còn việc thăm nom chăm sóc con của bà T thì ông luôn đảm bảo vì chỗ ở ổn định ở với ông Nội, bà T biết.

Bị đơn bà T trình bày:

- Về vấn đề Ly hôn thì bà và ông T thuận tình ly hôn nên đề nghị Tòa chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về con chung : Đề nghị Tòa giao con cho bà được quyền trực tiếp nuôi con là vì lợi ích của con chung cụ thể :

Bà T cho rằng con còn nhỏ nên sống với mẹ vì bà chăm sóc con tốt hơn, mặc dù cuộc sống đang khó khăn nhưng bà vẫn muốn nuôi con. Hiện tại bà mới đi làm nên có thu nhập.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật tố tụng qui định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 68, Điều 69, khoản 2 Điều 97, Điều 171, Điều 173, Điều 203 và Điều 220, Điều 227, Điều 248, Điều 260 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

+ Về nội dung:

- Về vấn đề Ly hôn thì bà và ông T thuận tình ly hôn nên đề nghị Tòa chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu tòa giải quyết.

- Về con chung : Đề nghị Tòa giao con cho bà T được quyền trực tiếp nuôi con là vì lợi ích của con chung cụ thể :

Bà T cho rằng con còn nhỏ nên sống với mẹ vì bà chăm sóc con tốt hơn, mặc dù cuộc sống đang khó khăn nhưng bà vẫn muốn nuôi con. Hiện tại cháu đang đi học ổn định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ đơn khởi kiện của Ông Nguyễn Duy T , Hội đồng xét xử xác định vụ án trên là tranh chấp về ly hôn. Do bị đơn bà Nguyễn Ngọc Huyền T và ông Nguyễn Duy T hiện đang cư trú tại quận T nên Tòa án nhân dân quận T và cả hai ông bà cùng yêu cầu Tòa án nhân dân quận T xét xử do đó Tòa án nhân dân quận T thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại các khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục tố tụng : Nguyên đơn và bị đơn đều có mặt tại phiên tòa, các bên đã được Tòa mở phiên họp và hòa giải nhiều lần nhưng hai bên không thống nhất được quyền nuôi con do đó căn cứ theo Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

2. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Xét yêu cầu ông Nguyễn Duy T xin được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc Huyền T .

Ông Nguyễn Duy T và bà Nguyễn Ngọc Huyền T tự nguyện chung sống với nhau từ tháng 10/2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 171/2012, quyển số 03/2012 do UBND thị trấn Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 04/9/2012 do đó hôn nhân của ông T và bà T là hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

Tuy nhiên đầu năm 2015 hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, nguyên nhân chủ yếu hai bên không cùng quan điểm sống trong lối sống sinh hoạt hàng ngày, cách nuôi dạy con cái, cách chi tiêu tiền bạc ... dẫn đến tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn, mâu thuẫn không thể giải quyết được, đời sống chung của vợ chồng không được hạnh phúc ông và bà đã ly thân từ thành 5/2017 đến nay. Bà T cũng cho rằng cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hai bên không còn tình cảm với nhau bà và ông T đã ly thân với nhau từ tháng 5/2017 đến nay, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà đồng ý thuận tình ly hôn. Tại phiên Tòa cả ông T và bà T đều yêu cầu Tòa công nhận sự thuận tình ly hôn. Xét nên chấp nhận.

-Về tài sản chung và nợ chung ông T và bà T xác nhận không có, không yêu cầu tòa giải quyết. Do đó không xem xét.

Về quan hệ con chung : Ông Nguyễn Duy T và bà Nguyễn Ngọc Huyền T có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày 08/02/2014. Ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Bà T cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho ai nuôi là phải dựa vào quyền lợi của trẻ và sự phát triển bình thường của trẻ cụ thể: Xét về thu nhập thì bảng lương ông T có thu nhập lương khoảng 18.000.000 đồng/01 tháng có xác nhận bảng lương cụ thể được trả lương qua thẻ, do đó ông có thu nhập cao và

ổn định điều kiện thu nhập và chỗ ở của ông T tốt hơn bà T, bà T có công ăn việc làm có mức lương 7.000.000 đồng/ tháng và còn có thu nhập khác như bán hàng trên mạng internet. Tuy nhiên xét hiện tại trẻ Cát T đang sống ổn định với bà T đang được đi học ở trường, cháu bé con nhỏ chưa đủ 4 tuổi, lại là bé gái xét nên ở với mẹ là phù hợp với tâm lý của trẻ em gái việc thay đổi môi trường sống sẽ gây ảnh hưởng đến tâm lý của trẻ. Xét nên giao trẻ Cát Tường cho bà T nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

3. Về án phí:

Tại phiên Tòa ông Nguyễn Duy T tự nguyện xin nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Công nhận thuận tình ly hôn giữa Ông Nguyễn Duy T và bà Nguyễn Ngọc Huyền T.

Quan hệ hôn nhân của ông T và bà T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 171/2012, quyển số 03/2012 do UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh K cấp ngày 04/9/2012 không còn giá trị kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật).

- Về tài sản chung và nợ chung ông T và bà T xác nhận không có.

- Về con chung : Giao trẻ Nguyễn Ngọc Cát T, sinh ngày 08/02/2014 cho Nguyễn Ngọc Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông T do bà T không yêu cầu.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Ông T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Duy T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 009359 ngày 15/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Ông T đã nộp đủ.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Ngọc Huyền T và ông Nguyễn Duy T được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. H ;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- UBND phường
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Ngọc Mỹ